

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2026/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

V/v: ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông

2. Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H, sinh năm 1994; số CCCD: 026194002869; hộ khẩu thường trú: Khu C, thôn T, xã Y, tỉnh Phú Thọ; Hiện cư trú tại: 0 Royal Higasshinaebo V, 2-2-32 H, H1-ki, S, H2, Nhật Bản. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; CCCD số: 026087004674; địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 06/02/2026 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay thuộc xã Y, tỉnh Phú Thọ) ngày 16/10/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận trong thời gian đầu; đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Năm 2023, chị H sang Nhật Bản lao động; từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề

ngợi Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Do đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, chị H không thể về Việt Nam tham gia trực tiếp các buổi làm việc và phiên tòa. Chị có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; đồng thời có văn bản ủy quyền cho Công ty L và Cộng sự thực hiện một số công việc liên quan đến việc nộp hồ sơ, nộp tạm ứng án phí, giao nhận văn bản tố tụng. Ý kiến, quan điểm về việc ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung và cấp dưỡng do chị H trực tiếp thể hiện bằng văn bản có xác nhận của Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại Nhật Bản. Chị có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Gia H3, sinh ngày 30/12/2012 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 26/4/2016. Hiện cả hai con đang sống cùng anh T. Ly hôn chị đề nghị để anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T 2.000.000 đồng/tháng/01 cháu cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 25/7/2026 trình bày:

Anh xác nhận về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn và thời gian ly thân như chị H trình bày là đúng. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Gia H3, sinh ngày 30/12/2012 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 26/4/2016. Hiện cả 02 cháu đang ở cùng anh. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng cho 02 con (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng), kể từ tháng 9/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

UBND xã Y, tỉnh Phú Thọ cung cấp:

Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay thuộc xã Y, tỉnh Phú Thọ) ngày 16/10/2011. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng UBND xã không nắm bắt được. Về con chung: chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Gia H3, sinh ngày 30/12/2012 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 26/4/2016. Hiện cả 02 cháu đang ở cùng anh T. Anh T làm nghề lái xe, chấp hành tốt chính sách pháp luật và UBND xã chưa nhận bất cứ thông tin nào trình báo liên quan đến anh T có hành vi bạo lực gia đình, ngược đãi trẻ em. Nếu anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H;

- Cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Gia H3, sinh ngày 30/12/2012 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 26/4/2016. Chị Dương Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 4.000.000 đồng/tháng cho 02 con, kể từ tháng 9/2026 cho đến khi từng con đủ 18 tuổi, trừ trường hợp nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt hoặc tiếp tục theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Chị Dương Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T có địa chỉ tại xã Y, tỉnh Phú Thọ, thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Nguyên đơn chị Dương Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn T đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H, sinh ngày 16/8/1994 và anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/10/1987 đăng ký kết hôn ngày 16/10/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Y, tỉnh Phú Thọ). Việc kết hôn được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp bị cấm kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký theo đúng quy định tại Điều 9

và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên đều xác nhận từ khoảng năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm; từ năm 2023 chị H sang Nhật Bản làm việc, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không duy trì đời sống chung. Chị H xin được ly hôn với anh T. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Việc hai bên đã ly thân trong thời gian dài, không còn duy trì quan hệ tình cảm và đều không có nguyện vọng đoàn tụ cho thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Gia H3, sinh ngày 30/12/2012 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 26/4/2016. Hiện cả hai con đang sống ổn định cùng anh T. Chị H và anh T đều thống nhất giao anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai cháu H3, cháu C. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với anh T. Xét thấy chị H đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, hiện 02 con chung đang do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của hai cháu cũng mong muốn được ở với bố. Bởi vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của 02 con chung cần giao cháu H3, cháu C cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh T yêu cầu chị H cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng cho 02 con, tương ứng 2.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con từ tháng 9/2026 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi; chị H đồng ý với mức và phương thức cấp dưỡng này. Sự thỏa thuận của anh chị được xác lập trước khi mở phiên tòa, không trái pháp luật, bảo đảm quyền lợi của các con nên được ghi nhận theo các Điều 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Thời điểm cấp dưỡng được xác định từ tháng 9/2026.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chị H và anh T thống nhất được việc ly hôn trước khi mở phiên tòa nên mỗi bên phải chịu 25% mức án phí theo quy định tức là chị H và anh T mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, trước khi mở phiên tòa các bên đã thống nhất được mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng; chị H là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án không có giá ngạch, tương ứng 150.000 đồng, theo điểm b khoản 6 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Tổng số án phí chị H phải chịu là 225.000 đồng. Anh T phải chịu án phí là 75.000 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H, cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Gia H3, sinh ngày 30/12/2012 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 26/4/2016. Chị Dương Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 4.000.000 đồng/tháng cho 02 con, kể từ tháng 9/2026 cho đến khi từng con đủ 18 tuổi, trừ trường hợp nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt hoặc tiếp tục theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Dương Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày khoản tiền cấp dưỡng đến hạn và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Dương Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng cộng 225.000 đồng. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003220 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ; hoàn trả chị H 75.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân

sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10 - Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Yên Lạc, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Phượng